

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN T
TỈNH LONG AN

Bản án số: 26/HNGĐ -ST

Ngày: 04-4-2022

V/v: Tranh chấp ly hôn

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T -TỈNH LONG AN

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Tơ

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trần Văn Nhị

Ông Bùi Mạnh Quyết

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Dương Thị Thanh Hằng, Thư ký Tòa án nhân dân huyện T.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T: Bà Trần Thị Kim Loan, Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 4 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình sơ thẩm thụ lý số: 198/2021/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 11 năm 2021 về việc “Tranh chấp ly hôn” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 18/2021/QĐXX-ST ngày 28 tháng 02 năm 2022 giữa:

Nguyên đơn: Bà Châu Ngọc T, sinh năm 1985

Địa chỉ: Ấp M, xã M, huyện T, tỉnh Long An

Nơi đang ở: Thị xã S, tỉnh Đồng Tháp.

Bị đơn: Ông Trần Văn N, sinh năm: 1982

Địa chỉ: Ấp M, xã M, huyện T, tỉnh Long An

Bà T có đơn xin vắng mặt ghi ngày 08/3/2022; Ông N vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện ngày 26/4/2021 và lời trình bày trong quá trình tố tụng giải quyết vụ án nguyên đơn bà Châu Ngọc T trình bày: Bà với ông Trần Văn N tự nguyện đi đến hôn nhân được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới vào năm 2008. Ông bà có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện T, tỉnh Long An theo giấy chứng nhận kết hôn số 54 ngày 28/7/2008. Cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc do xảy ra nhiều mâu thuẫn. Bà đã bỏ đi do ông N ông chăm lo gì đến cuộc sống gia đình. Tình cảm vợ chồng không còn yêu thương nhau nữa, không thể hàn gắn được, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà xin được ly hôn với ông N.

Về nuôi con chung: Ông bà có hai con chung tên Trần Châu Nhựt L sinh ngày 17/11/2002, con đã trưởng thành nên bà không yêu cầu Tòa án giải quyết; Con Trần Nhựt H sinh ngày 17/12/2009 đang sống chung với bà. Khi ly hôn bà yêu cầu được nuôi con, không yêu cầu ông N cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Bà không yêu cầu tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn: Ông Trần Văn N không có lời trình bày

Phát biểu ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T, tỉnh Long An về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng được thực hiện theo đúng trình tự quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Chấp nhận đơn xin ly hôn của bà Châu Ngọc T; Về nuôi con chung: Tiếp tục giao con chung Trần Nhựt H sinh ngày 17/12/2009 cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng đến khi con đủ 18 tuổi. Ông N không phải cấp dưỡng nuôi con do bà T không yêu cầu

Về tài sản chung và nợ chung: Bà T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngày 04/11/2021 Tòa án nhân dân huyện T thụ lý vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bà Châu Ngọc T yêu cầu ly hôn với ông Trần Văn N. Căn cứ khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự, xác định quan hệ pháp luật là “Tranh chấp ly hôn” thuộc thẩm quyền giải quyết theo thủ tục sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện T.

Bà Châu Ngọc T có đơn xin xét xử vắng mặt. Ông Trần Văn N đã được Tòa án nhân dân huyện T tiến hành tổng đạt các văn bản tố tụng theo qui định của pháp luật nhưng ông N không hợp tác. Căn cứ Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà Châu Ngọc T với ông Trần Văn N tự nguyện đi đến hôn nhân được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới vào năm 2008. Ông N, bà T có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện T, tỉnh Long An theo giấy chứng nhận kết hôn số 54 ngày 28/7/2008. Cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc do xảy ra nhiều mâu thuẫn. Bà T đã bỏ đi. Bà T xác định tình cảm vợ chồng không còn yêu thương nhau, không ai còn quan tâm đến ai. Cuộc sống vợ chồng không thể hàn gắn. Ông Trần Văn N không đến Tòa án không có thiện chí hàn gắn tình cảm vợ chồng. Do vậy Hội đồng xét xử chấp nhận đơn xin ly hôn của bà Châu Ngọc T.

[3] Về nuôi con chung: Ông Trần Văn N với bà Châu Ngọc T có hai con chung tên Trần Châu Nhựt L sinh ngày 17/11/2002 đã trưởng thành nên bà T

không yêu cầu Tòa án giải quyết; Con Trần Nhựt H sinh ngày 17/12/2009 đang sống chung với bà T. Bà T yêu cầu được nuôi con. Do ông N không đến tham dự phiên tòa. Tại biên bản lấy lời khai ngày 08/3/2022 bé Trần Nhựt H xin được sống chung với mẹ. Do đó Hội đồng xét xử chấp nhận tiếp tục giao con cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng đến khi con đủ 18 tuổi. Ông N không phải cấp dưỡng nuôi con do bà T không yêu cầu

[4] Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Về nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[6] Về án phí: bà T phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ vào điều 55, 56, 81,82,83,84 Luật hôn nhân gia đình.

1. Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Châu Ngọc T đối với ông Trần Văn N.

Bà Châu Ngọc T được ly hôn với ông Trần Văn N.

2. Về nuôi con chung: Tiếp tục giao con chung Trần Nhựt H sinh ngày 17/12/2009 cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con đủ 18 tuổi. Ông N không phải cấp dưỡng nuôi con do bà T không yêu cầu.

Mặc dù không trực tiếp nuôi con chung nhưng ông N được quyền đến thăm, chăm sóc giáo dục con. Khi cần thiết bà T, ông N có quyền thay đổi người nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung: Bà T không yêu cầu giải quyết

4. Về nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết

5. Về án phí: bà Châu Ngọc T phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm. Chuyển 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí bà T nộp ngày 03/11/2021 biên thu lai số 0002043 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện T sang án phí.

Án xử sơ thẩm công khai bà Châu Ngọc T, ông Trần Văn N được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày niêm yết bản án.

Trường hợp bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện T;
- Chi cục THA-DS huyện T;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ; V.P.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Thị Tư